

Số: 31/KQ

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

I./ THÔNG TIN MẪU

STT	Ký Hiệu	Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Người lấy mẫu	Ngày giờ lấy mẫu	Người phân tích
1	137M ₁ 01/15	Nhà Máy Bia Phú Yên	Nước sau khi xử lý	Võ Bá Duy Huân	07/09/2015 9g30-9g45	Trần Quang Vinh
3	138M ₁ 01/15	Điểm Giao Dịch Cấp Nước -An Phú		Trần Quang Vinh	07/09/2015 9g30-9g45	
4	139M ₁ 01/15	207 Nguyễn Công Trứ		Nguyễn Thị Cẩm Tú	07/09/2015 8g30-8g45	Phạm Thị Luyện
5	139M ₂ 01/15	Cảng cá Phường 6			07/09/2015 9g00-9g15	
6	139M ₃ 01/15	Ủy ban nhân dân Tỉnh			07/09/2015 9g30-9g45	
7	140B01/15	Bể chứa NMN Tuy Hòa			07/09/2015 8g00-8g15	

II./KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				137M ₁ 01/15	138M ₁ 01/15	139M ₁ 01/15	139M ₂ 01/15
1	pH	6,5-8,5	TCVN6492:1999	6.95	6.82	7.03	7.20
2	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.67	0.72	0.89	0.65
3	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.03	0.05	0.05	0.03
4	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	15.74	15.39	18.91	13.76
5	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	42.53	44.61	43.56	46.77
6	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	0.0037	0.0052	0.0047	0.0037
7	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	6.70	7.20	5.20	4.80
8	Mùi vị	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	Không
9	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	6.10	5.80	3.90	5.50
10	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	8.00	7.60	6.54	7.80
11	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	0.01	0.01	KPH	0.01
12	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.45	0.52	0.52	0.39
13	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
14	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH	KPH	0.53	KPH

II./KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				139M ₃ 01/15	140B01/15		
1	pH	6,5-8,5	TCVN6492:1999	7.12	6.84		
2	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.80	0.72		
3	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.05	0.03		
4	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	18.91	15.39		
5	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	44.61	44.61		
6	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH	KPH		
7	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	6.70	6.50		
8	Mùi vị	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không		
9	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	3.60	3.70		
10	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	6.81	7.20		
11	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	0.01	KPH		
12	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.52	0.45		
13	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH		
14	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH	0.53		

Ghi chú: - KPH : Không phát hiện

Lãnh Đạo Công Ty

Phòng Kỹ Thuật

Tuy Hòa , ngày 14 tháng 09 năm 2015

Bộ Phận Hóa Nghiệm



(Signature)
Nguyễn Văn Bình

(Signature)

Võ Bá Duy Huân

KS. Nguyễn Tấn Thuận